TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vinh
2. Bà Đoàn Thị Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1976;

Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Trần Văn L (Trần Ngọc L), sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10 tháng 5 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Trần Văn L (Trần Ngọc L) có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/1995 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi vả. Đến năm 2006 anh L bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị và gia đình đã tìm kiếm anh L khắp mọi nơi nhưng

không có tin tức gì về anh L. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngày 04/5/2022, Tòa án nhân dân thị xã B đã tuyên bố anh L mất tích tại Quyết định số 04/2022/QĐST-VDS. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống của bản thân.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 06/11/1996; Trần Thị N, sinh ngày 20/6/1998 và Trần Thị L, sinh ngày 4/7/2005. Hiện nay hai con Trần Anh T và Trần Thị N đã trưởng thành, còn con Trần Thị L đang còn nhỏ. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con Trần Thị L và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Bị đơn anh Trần Văn L (Trần Ngọc L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tiến hành tố tung: Việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành tố tụng; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự, cho Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn mất tích nên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng chấp hành, tiến hành, thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn L (Trần Ngọc L); chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị X, xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần Văn L (Trần Ngọc L); giao con chung Trần Thị L, sinh ngày 04/7/2005 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Anh L có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Xét thấy bị đơn anh L là người bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số 04/2022/QĐST-VDS ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, đến nay anh L chưa trở về, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng anh L vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 20/7/2022, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 1, bị đơn anh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 10/8/2022, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Văn L (Trần Ngọc L);

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, anh L đã bỏ nhà đi từ năm 2006 cho đến nay, không có liên lạc gì với chị X cũng như gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần Văn L (Trần Ngọc L) là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Qua lời trình bày của chị X và lời khai của ông Trần Hồng K (bố anh L) trình bày thì vợ chồng có 3 con chung gồm:

1. Trần Anh T, sinh ngày 06/11/1996

2. Trần Thị N, sinh ngày 20/6/1998

3. Trần Thị L, sinh ngày 4/7/2005

Hiện tại 02 con Trần Anh T và Trần Thị N đã trưởng thành. Riêng con Trần Thị L đang đi học và ở với chị X. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị X xin được nuôi cháu L là hoàn toàn chính đáng, vì từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay cháu L ở

với mẹ, hiện nay anh L đi đâu không rõ. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Thị L cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị X không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị X trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị X phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước theo đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn L (Trần Ngọc L)

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị X. Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần Văn L (Trần Ngọc L)

3. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị L, sinh ngày 4/7/2005 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Trần Thị X phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003367 ngày 20/5/2022. Chị X đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Toà án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà